

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 9 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà
Bà Châu Thi Chúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021; **Thông báo dời thời gian xét xử số: 127/TB- TA ngày 27/8/2021** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/2/2020; biên bản hòa ngày 22/3/2021; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông H kết hôn năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013.

Thời gian đầu bà H và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm **2018** thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông H thường xuyên uống rượu về cư cãi, đập đồ đạc trong nhà, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ ngày 10/01/ 2021, đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2021; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Đối với yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn, vì còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Bà H khai vợ chồng có 01 con chung tên: Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013

Khi ly hôn, bà yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung: Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013; và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà H khai và đồng ý giao con chung tên Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013 cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà H có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông H đồng ý giao con chung tên Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013 cho bà H nuôi dưỡng; và cũng tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 22/3/2021 cháu Q trình bày nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà H, giao cháu:

Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ H đối với bị đơn Phạm Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với bị đơn Phạm Văn H; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013; bị đơn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, không có; nợ chung không có.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2,3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên: Phạm Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/9/2013 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Lệ H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông Phạm Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008557, ngày 25/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh